

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-PT

Ngày 25-02-2019

V/v tranh chấp ranh giới, mốc
giới quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San

Ông Lại Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Nguyễn Việt
Luận - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLPT - DS ngày 04 tháng 12 năm
2018 về tranh chấp ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018
của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-DS
ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1934;

2. **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1980;

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1936;

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958;

- Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Anh Đỗ Đình L1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Nhà trọ D, đường XC11, tổ 10 KP3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 104, đường ĐX 87, tổ 20, khu phố 3, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm 16, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xóm 14, C, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị Y, chị T2, chị H2, chị T3 là anh Nguyễn Đức B.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, anh L1 là ông Đỗ Văn T.

4. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979;

- Ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1975;

- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C - là nguyên đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xác định như sau:

Hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4 diện tích là 1402m², trong đó đất ở là 360m², đất vườn là 1042m² tại xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam từ năm 1979.

Hộ ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị X sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 4 diện tích là 494m², trong đó đất ở là 220m², đất vườn là 274m² tại xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam từ năm 1979

Năm 1991, Nhà nước đo đất và thực hiện việc giao đất: Hộ gia đình ông C có tiêu chuẩn đất của ông C, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức B, chị Nguyễn Thị Y, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị H2 và chị Nguyễn Thị T3. Hộ gia đình ông T có tiêu chuẩn đất của ông T, bà Nguyễn Thị X, anh Đỗ Mạnh H và anh Đỗ Đình L1.

Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn C và hộ ông Đỗ Văn T và được cấp đổi năm 2009.

Theo bản đồ địa chính năm 1991 chỉnh lý năm 2003 xác định tứ cận thửa đất số 5, tờ 4 của gia đình ông Nguyễn Văn C như sau: Cạnh phía Đông giáp đường xã dài 20,41m; cạnh phía Tây giáp sông Châu Giang dài 21,85m; cạnh phía Nam giáp đất hộ ông S dài 64,60m. Cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông Đỗ Văn T là cạnh tranh chấp điểm mốc giới, ranh giới quyền sử dụng đất với gia đình ông T.

Theo bản đồ địa chính năm 1991 chỉnh lý năm 2003 xác định tứ cận thửa đất số 4, tờ 4 của gia đình ông Đỗ Văn T như sau: Cạnh phía Đông giáp đường xã dài 16,90m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông T5 dài 16,30m; cạnh phía Bắc giáp đất hộ bà T6 dài 32m. Cạnh phía Nam giáp đất hộ ông C là cạnh tranh chấp điểm mốc giới, ranh giới quyền sử dụng đất với gia đình ông C.

Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2013: Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4 của hộ ông Nguyễn Văn C có diện tích là 1497m² trong đó đất ở là 360m², đất vườn là 1042m², đất màu 95m². Đối chiếu với bản đồ địa chính năm 1991 chỉnh lý năm 2003, diện tích đất vườn của gia đình ông C tăng 95m² do lấn ra sông Châu Giang. Cạnh phía Đông giáp đường xã dài 20,30m. Cạnh phía Tây giáp sông Châu Giang dài 21,14m. Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 4 của hộ ông Đỗ Văn T có diện tích là 532m² trong đó đất ở là 220m², đất vườn là 312m². Đối chiếu với bản đồ địa chính năm 1991 chỉnh lý năm 2003, diện tích đất vườn của gia đình ông T tăng 38m² do sử dụng sang một phần đất của hộ bà T6. Cạnh phía Đông dài 17,60m; cạnh Tây giáp đất hộ ông T5 dài 16,09m.

Theo ông Nguyễn Văn C: Tại điểm mốc phía Đông cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông có mốc giới đất giai đoạn từ năm 1991 đến năm 1995 là 01 cây duối. Tháng 7 năm 1995 hộ gia đình ông thuê thợ đào móng xây tường bao bằng gạch từ đường xóm vào đến đầu hồi bếp nhà ông. Trước khi xây đoạn tường bao này, gia đình ông và gia đình ông T đã thỏa thuận lấy giữa gốc cây duối làm mốc giới, hộ ông đã đánh bật gốc duối đi để đào móng xây tường. Sáng ngày hôm sau khi gia đình ông chỉ đào xong móng thì ông T lại có ý kiến không nhất trí với vị trí mà gia đình ông đã đào móng nên yêu cầu gia đình ông phải sửa lại móng tường lùi về phía đất của gia đình mình khoảng 33cm và gia đình ông đã xây tường bao sử dụng từ năm 1995 đến nay. Sau đó, hộ ông T cũng xây một đoạn tường bao song song và sát với đoạn tường bao nhà ông. Ông cho rằng ông T đã xây tường bao lấn sang đất của hộ gia đình ông khoảng 33cm ở vị trí này. Tại điểm mốc phía Tây cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông có mốc giới đất từ trước năm 1993 trở về trước là dậu ô dô và liên quan đến điểm

mốc giới đất chung của ba nhà là hộ gia đình ông và hộ ông T, hộ ông T5. Đầu tường bao nhà ông T5 ở vị trí này là mốc giới của ba nhà. Cạnh đất liền kề với đất hộ ông T5 cả hai gia đình đều đã xây tường bao và không có tranh chấp. Khi ông T5 và ông xây tường bao chỉ có ông T5 và ông ra xác định mốc giới đất tại vị trí giáp ranh đất giữa ba nhà. Hộ ông T xây đoạn tường bao phía sau bếp nhà ông T từ khi nào ông không biết nhưng đoạn tường này nối từ đầu tường bao nhà ông T5 nên ông xác định mốc giới tại vị trí này là điểm giao nhau giữa tường bao nhà ông với tường bao nhà ông T và tường bao nhà ông T5. Ông không tranh chấp mốc giới đất với ông T tại vị trí này. Từ khi gia đình ông được giao đất đến nay cạnh phía Bắc thửa đất của gia đình ông luôn là một đường thẳng nhưng hiện trạng sử dụng hiện nay không thẳng mà khum khum hình chữ “V” ở đoạn giữa tiếp giáp đất hộ ông T do ông T xây tường bao lấn sang đất của hộ gia đình ông.

Nay ông Nguyễn Văn C yêu cầu: Buộc gia đình ông Đỗ Văn T phải tháo dỡ đoạn tường bao trả lại mốc giới quyền sử dụng đất theo đúng bản đồ năm 1991 cho gia đình ông ở điểm mốc phía Đông cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông.

Ông Đỗ Văn T cho rằng: Mốc giới đất giữa gia đình ông và gia đình ông C ở phía Đông cạnh phía Nam thửa đất của hộ gia đình ông giáp với cạnh phía Bắc thửa đất hộ ông C là giữa khe tường bao của hộ ông C và hộ gia đình ông vì hộ gia đình ông C xây tường bao trước, hộ gia đình ông xây tường bao sau, trước khi hộ ông C xây tường bao thì hai gia đình đã xác định mốc giới như ông C đã trình bày. Năm 2012, khi Nhà nước đo lại đất, hai gia đình cũng đã thừa nhận và ký vào biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất là giữa khe tường, hai gia đình sử dụng ổn định đến năm 2017 mới tranh chấp nên mốc giới tại vị trí này theo bản đồ đo đạc năm 2012 là đúng. Cạnh phía Nam thửa đất của hộ gia đình ông liền kề với cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông C từ trước đến nay luôn là một đường thẳng.

Mốc giới đất giữa gia đình ông và gia đình ông C ở phía Tây cạnh phía Nam thửa đất của hộ gia đình ông giáp với cạnh phía Bắc thửa đất hộ ông C thì ông không xác định được vì chưa bao giờ hộ gia đình ông và hộ gia đình ông C cùng nhau xác định mốc giới ở vị trí này. Năm 1997, gia đình ông xây bếp, sân giếng, nhà tắm tại vị trí phía đất giáp hộ ông C, ông T5. Tường bếp của gia đình ông cách dậu ô dô khoảng 50cm, tường bếp hộ ông C cách dậu ô dô khoảng 10 cm. Gia đình ông xây nhà tắm trước, tường nhà tắm cách dậu ô dô khoảng 10cm; hộ ông C xây nhà tắm sau nhưng đánh dậu ô dô đi và xây tường nhà tắm sát mốc giới đất, song song với tường nhà tắm của hộ gia đình ông. Nay ông xác định, giữa khe tường từ đường xã đến khe tường hai nhà tắm của hai nhà là ranh

giới đất nên đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ địa chính từ năm 1991 và chỉnh lý qua các giai đoạn để xác định mốc giới đất cho hộ gia đình ông với gia đình ông C ở vị trí này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức B, chị Nguyễn Thị Y, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị H2 và chị Nguyễn Thị T3: có ý kiến như ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị X, anh Đỗ Mạnh H và anh Đỗ Đình L1: có ý kiến như ông T.

Người làm chứng: Ông T4, anh M và anh D đều xác định được gia đình ông C thuê đào móng xây đoạn tường bao giáp đất hộ ông T như ông C khai là đúng. Sau khi gia đình ông C và gia đình ông T thống nhất về mốc giới đất thì nhóm thợ xây mới hoàn thiện móng và xây tường.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã Quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 226, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 265, Điều 266 Bộ luật dân sự 2005; Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Đỗ Văn T phải tháo dỡ đoạn tường bao trả lại mốc giới quyền sử dụng đất cho gia đình ông ở điểm mốc phía Đông cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông mà ông T đã lấn chiếm.

2. Ranh giới, mốc giới sử dụng đất giữa hai gia đình ông Nguyễn Văn C tại thửa đất số 5, tờ bản đồ 4 và ông Đỗ Văn T tại thửa số 4, tờ bản đồ số 4 ở xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam là điểm mốc giới số 9 đến điểm số 11, theo kết quả đo hiện trạng và trích đo ngày 28/9/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Nam chi nhánh huyện L (có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C đối với bản án dân sự sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam về phần án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông C không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ kiện tranh chấp ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C về việc Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xác định, điểm mốc giới giữa gia đình ông và gia đình ông T tại vị trí, giáp đường xã đã lùi về phần đất nhà ông khoảng 33 cm là không đúng với diện tích đất của gia đình ông được cấp.

Căn cứ hồ sơ địa chính, lời khai của các đương sự, người làm chứng, biên bản làm việc với UBND huyện L, xã H và quá trình sử dụng đất của hai hộ gia đình ông C, ông T thấy rằng:

Đối với điểm mốc giới phía Đông cạnh Bắc đất hộ ông C và cạnh Nam đất hộ ông T ở vị trí giáp đường xã, đây là điểm hai bên đang tranh chấp (điểm mốc giới số 9): Gia đình ông C cho rằng, gia đình ông T lấn khoảng 33 cm, trong khi đó năm 2005, hộ gia đình ông C xây đoạn tường bao dài 18m, trước khi xây dựng đoạn tường này, gia đình ông C và gia đình ông T đã thống nhất mốc giới đất. Những người làm chứng do ông C yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng (Ông T4, anh M, anh D) là những người thợ đã đào móng, xây tường bao thuê cho gia đình ông C có cùng ý kiến với ý kiến của ông C, anh B. Năm 2009, gia đình ông T mới xây đoạn tường bao liền kề với đoạn tường bao của hộ gia đình ông C. Khi hộ gia đình ông T xây đoạn tường bao này, hộ gia đình ông C không có ý kiến gì. Hộ gia đình ông C và hộ ông T đã sử dụng ranh giới đất ở vị trí này ổn

định từ đó đến nay. Căn cứ vào hồ sơ địa chính đo đạc năm 1991, chỉnh lý năm 2003, hồ sơ địa chính đo đạc năm 2012, sự thỏa thuận về mốc giới đất năm 1995 giữa hộ ông C, hộ ông T và kết quả đo đạc ngày 28/9/2018 thì khe tường tại vị trí phía Đông cạnh phía Bắc thửa đất hộ ông C (điểm mốc số 9) được xác định là ranh giới, mốc giới đất giữa hộ ông C và hộ ông T là phù hợp.

Đối với điểm mốc giới phía Tây cạnh Bắc thửa đất hộ gia đình ông C và cạnh phía Nam thửa đất hộ gia đình ông T có tranh chấp: Gia đình ông C và gia đình ông T đều cho rằng từ trước đến nay gia đình ông và gia đình ông T chưa bao giờ xác định mốc giới, ranh giới đất tại vị trí này, ông T xác định xây đoạn tường phía trong chỉ để khép kín nuôi chó gà, bức tường này không phải là ranh giới; ông C cho rằng không biết hộ ông T xây đoạn tường này từ bao giờ nhưng cạnh phía Bắc đất hộ gia đình ông là một đường thẳng nên ông xác định ranh giới thửa đất của hộ gia đình ông và đất hộ ông T là một đường thẳng được nối từ đầu bức tường phía Tây của hộ gia đình ông T đến điểm mốc cách khe tường phía Đông khoảng 33 cm song ông T, bà Xuân không thừa nhận. Vì vậy không có căn cứ chứng minh đầu bức tường bao nhà ông T ở phía Tây cạnh Nam thửa đất hộ ông T là điểm mốc giới giữa hai gia đình ông C và ông T. Mặt khác điểm mốc giới này theo hộ ông C xác định khi xem xét thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng mốc giới theo số liệu địa chính trên thực địa Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp thì không phải là điểm giao nhau trên cạnh thẳng phía Bắc đất hộ ông C với cạnh phía Tây đất hộ ông T. Như vậy, việc xác định điểm mốc giới của hộ ông C và anh B là chưa đúng, có mâu thuẫn về ranh giới, mốc giới sử dụng đất nên không có căn cứ để chấp nhận.

Theo hồ sơ địa chính, biên bản làm việc với cơ quan có thẩm quyền về đất đai, bản đồ năm 1991, chỉnh lý năm 2003 với bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2012, xác định cạnh thửa đất phía Bắc hộ ông C là một đường thẳng; ranh giới đất giữa hộ ông C với hộ ông S và hộ ông T5 không có tranh chấp, ranh giới đất phía Tây giữa hộ ông T và hộ bà T6 không có tranh chấp, ranh giới đất giữa hộ ông C và hộ ông T là một đường thẳng, điểm mốc giới đất giữa hộ ông C và hộ ông T tại vị trí phía Đông cạnh phía Bắc đất hộ ông C được xác định là điểm mốc số 9. Vì vậy, mốc giới phía Tây phía Bắc đất hộ ông C tiếp giáp với cạnh phía Nam đất hộ ông T phải là điểm giao nhau giữa cạnh phía Tây đất hộ ông T với cạnh phía Bắc đất hộ ông C. Kết quả do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 28/9/2018 xác định điểm giao nhau giữa hai cạnh này không phải là điểm đầu bức tường của hộ gia đình ông T mà hộ ông C xác định.

Kết quả làm việc với UBND huyện L, xã H và cơ quan chuyên môn huyện L; căn cứ hồ sơ địa chính và quá trình sử dụng đất, thể hiện: Mốc 3 nhà là một

đường thẳng từ đường ra bờ sông (từ điểm 9 - 11 - 2) và điểm mốc số 3 là không có căn cứ. Ông T xác định gia đình ông đang thiếu đất. So sánh bản đồ năm 1991, độ dài cạnh giáp giữa nhà ông và nhà ông C xác định làm đường đã lùi vào 0,25 m nên cạnh này giảm còn 30,77m². Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 xác định điểm mốc 3 nhà ông T, ông C, ông T5 là điểm số 11. Cũng theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ nhà ông T đến nhà bà T6 có độ dài 16,30m nay còn 15,59m, giảm 71 cm và kết quả đo đạc ngày 28/9/2018 xác định ông C lấn sang nhà ông T 35 cm.

Như vậy, mốc giới đất phía Tây cạnh Bắc đất hộ ông C giáp cạnh phía Nam đất hộ ông T là điểm mốc giao nhau tại cạnh phía Tây đất hộ ông T và cạnh phía Bắc đất hộ ông C cách vị trí mốc đầu bức tường của hộ gia đình ông T mà ông C và anh B xác định là 0,35m (theo bản vẽ ngày 28.9.2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Nam chi nhánh huyện L). Do đó, có căn cứ xác định mốc giới, ranh giới sử dụng đất giữa hộ ông C và hộ ông T là đoạn thẳng được xác định từ điểm mốc số 9 đến điểm mốc số 11 theo hồ sơ kèm theo trích đo hiện trạng thửa đất số 336/2018/TĐ-HT ngày 03/10/2018 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Lý Nhân đo; đoạn tường bao của hộ gia đình ông T xây trên đất của gia đình ông không lấn sang mốc giới, ranh giới đất của hộ ông C.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông C buộc gia đình ông Đỗ Văn T phải tháo dỡ đoạn tường bao trả lại mốc giới quyền sử dụng đất theo đúng bản đồ năm 1991 cho gia đình ông ở điểm mốc phía Đông cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C có đơn xin được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi (theo Điều 2 Luật người cao tuổi) nên căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 226, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308; Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 265, Điều 266 Bộ luật dân sự 2005; Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 điều 12 và khoản 2 Điều 24

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Đỗ Văn T phải tháo dỡ đoạn tường bao trả lại mốc giới quyền sử dụng đất cho gia đình ông ở điểm mốc phía Đông cạnh phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông mà ông T đã lấn chiếm.

2. Ranh giới, mốc giới sử dụng đất giữa hai gia đình ông Nguyễn Văn C tại thửa đất số 5, tờ bản đồ 4 và ông Đỗ Văn T tại thửa số 4, tờ bản đồ số 4 ở xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam là điểm mốc giới số 9 đến điểm số 11, theo kết quả đo hiện trạng và trích đo ngày 28/9/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Nam chi nhánh huyện L (có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá, đo đạc là 6.650.600 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn sáu trăm đồng). Ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn. Ông C được hoàn lại số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2010/03943 ngày 11 tháng 4 năm 2018 và số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2010/04048 ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Tổng cộng, ông C được hoàn lại 600.000 đồng.

4. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Việt Hà